

**Mục 3: NHỮNG VIỆC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN
CHỨC THAM GIA Ý KIẾN,
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUYẾT ĐỊNH**

Điều 9. Những việc cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến

1. Chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị.
2. Kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị.
3. Tổ chức phong trào thi đua của cơ quan, đơn vị.
4. Báo cáo sơ kết, tổng kết của cơ quan, đơn vị.
5. Các biện pháp cải tiến tổ chức, hoạt động và lề lối làm việc; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu, phiền hà, sách nhiễu nhân dân.
6. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; bầu cử, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.
7. Thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức.
8. Các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

**(Trích Mục 3. Điều 9- NGHỊ ĐỊNH 04/2015/NĐ-CP
VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP)**

**Mục 4: NHỮNG VIỆC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,
VIÊN CHỨC GIÁM SÁT, KIỂM TRA**

**Điều 11. Những việc cán bộ, công chức, viên chức
giám sát, kiểm tra**

1. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị.
2. Sử dụng kinh phí hoạt động, chấp hành chính sách, chế độ quản lý và sử dụng tài sản của cơ quan, đơn vị.
3. Thực hiện các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.
4. Thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước về quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.
5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

(Trích Mục 3. Điều 9- NGHỊ ĐỊNH 04/2015/NĐ-CP
VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP)

Bình Tân, ngày 10 tháng 10 năm 2022

Biểu mẫu 01

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn, cơ thể phát triển hài hòa cân đối - Giảm trẻ SDD và dư cân béo phì: 90% trẻ tăng cân qua các kỳ cân, 10% đứng cân (là trường hợp trẻ thừa cân)	- Trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn, cơ thể phát triển hài hòa cân đối - Giảm trẻ SDD và dư cân béo phì: 98% trẻ tăng cân qua các kỳ cân, 2% đứng cân (là trường hợp trẻ thừa cân)
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành chương trình GDMN	- Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành chương trình GDMN
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Trẻ phát triển toàn diện - Phát triển cân đối về thể lực - Thông minh ham hiểu biết - Lễ phép yêu thương bạn - Mạnh dạn hồn nhiên - 90-100% đạt theo yêu cầu độ tuổi	- Trẻ có thể lực tốt - Độc lập, sáng tạo và có khả năng tự phục vụ bản thân. - Yêu thích cái đẹp - Giàu lòng thương người, mạnh dạn hồn nhiên - Tuân thủ chăm sóc giáo dục trẻ theo chương trình chăm sóc giáo dục mầm non mới - 97-100% đạt theo yêu cầu độ tuổi

IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Phòng ốc sạch đẹp - Sân chơi thoáng mát - Nhà vệ sinh phù hợp với lứa tuổi - Sử dụng bếp một chiều.	- Phòng ốc sạch đẹp - Sân chơi thoáng mát - Nhà vệ sinh phù hợp với lứa tuổi - Sử dụng bếp một chiều.
-----------	---	--	--

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thanh Xuân

Biểu mẫu 03

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	15	1.5 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	15	67 m ² /phòng
1	Phòng học kiên cố	15	1.5 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1	3580 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1	1994 m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	15	76 m ² /phòng
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	15	76 m ² /phòng
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	15	13 m ² /phòng
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	15	423 m ²
5	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	1	150 m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	15	15 bộ/lớp
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	14	15/15 nhóm lớp nhóm, lớp 1 máy chụp hình 1 máy chiếu 1 máy quay phim 15 máy tính bàn kết nối internet
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	15	15/15 nhóm lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	15	15/15 nhóm lớp 3 phòng âm nhạc
3	Máy photo	1 (thuê ngoài)	
5	Bảng tương tác	2	7/7 tại Phòng học thông minh, hội trường và các phòng khác
6	Ti vi đa năng	3	2 phòng hội trường 1 phòng truyền thống
7	Đồ chơi ngoài trời	>05 bộ	

8	Bàn ghế đúng quy cách	580	15/15 nhóm lớp
9	Tủ hồ sơ	15	15/15 nhóm lớp
10	Tủ kệ ly nhôm	14	15/15 nhóm lớp
11	Hệ thống âm thanh	2	1 phòng hội trường 1 phòng truyền thống
12	Máy chụp hình, quay phim	1	Phòng văn thư
13	Laptop	6	Văn phòng

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20 (trong đó có 15 NVS trong lớp)		15/15	0.35 m ² /trẻ	0.35 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0			

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

Bình Tân, ngày 10 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG


Lê Thị Thanh Xuân

Biểu mẫu 04

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
 của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước NĐ 116 và tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo NĐ 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	52	25 biên chế; 27 HĐN			2	21	12	3	14	
I	Giáo viên	31	21 biên chế 10 HĐN				18	11	2		
II	Cán bộ quản lý	3									
1	Hiệu trưởng	1	1 biên chế				1				
2	Phó hiệu trưởng	2	2 biên chế				1	1			

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
III	Nhân viên	18									
1	Nhân viên kế toán	1	1 HDN					1			
2	Nhân viên văn thư	1	1 biên chế				1				Kiểm nhiệm thủ quỹ
3	Nhân viên y tế	1	1 HDN						1		
4	Nhân viên khác	15	15 HDN				1			14	

Quận Bình Tân, ngày 10 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

 Lê Thị Thanh Xuân